

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/DS-ST
Ngày: 17-11-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hòa Phúc
2. Ông Trần Minh Triển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 10, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

2.2. Huỳnh Thị Kiều C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 10, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, bà Phan Thị H trình bày: Do quen biết nên ngày 06/4/2019, bà Phan Thị H có cho bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Khi vay có làm giấy nhận nợ, bà L và

chị C có ký tên, biên nhận do ông Nguyễn Thanh L – chồng bà H viết. Khi vay thì bà L nói là để xoay vốn đảo hạn ngân hàng, bà L nói mượn vài ngày thì trả, lãi suất không có thỏa thuận cụ thể, bà L cho bao nhiêu thì bà nhận bấy nhiêu. Từ trước đến nay thì bà không cho ai mượn đảo hạn ngân hàng, do C nhà ở sát vách nhà bà nên bà mới cho bà L và C vay tiền. Bà nhiều lần đến nhà bà L để yêu cầu bà L trả nợ thì bà L né tránh, không trả nợ. Từ khi vay tiền, bà L và chị C không trả vốn và lãi cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C trả cho bà H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 06/4/2019 đến khi kết thúc vụ kiện.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2020, bà Nguyễn Thị L trình bày: Do quen biết, bà có vay tiền của bà Phan Thị H, vay tiền nhiều lần, qua thời gian dài, có vay, có trả. Đến tháng 04/2019, bà còn nợ bà H số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Sau đó, con gái bà tên Huỳnh Thị K (sinh năm 1983, địa chỉ ở huyện P, tỉnh An Giang) nhờ bà chỉ dẫn quen biết bà H và vay tiền của bà H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tổng cộng bà và K có vay của bà H 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), bà Hạnh buộc bà phải ký tên nhận nợ thì bà H mới cho K vay tiền, bà nghĩ làm ăn từ từ trả cho bà H nên đồng ý ký tên vào biên nhận ngày 06/4/2019. Còn Huỳnh Thị Kiều C – con gái của bà, do nhà ở sát vách nhà của bà H, bà H yêu cầu C ký tên là người nhận nợ, thật sự C hoàn toàn không biết bà vay số tiền bao nhiêu và thỏa thuận như thế nào với bà H.

Từ khi vay tiền, bà có đóng lãi cho bà H nhiều lần, số tiền cụ thể bà không nhớ. Bà đưa tiền lãi cho bà H nhiều lần, mỗi lần đưa cho bà H từ 2.000.000đ đến 7.000.000đ. Bà yêu cầu được điều chỉnh lãi suất, khấu trừ số tiền lãi bà đã đóng cho bà H vào số tiền bà phải trả cho bà H. Khi vay tiền cả hai không thỏa thuận thời gian trả, chỉ thỏa thuận lãi suất 7.000.000đ/3 ngày/700.000.000đ. Đến khoảng cuối tháng 4/2019, bà chậm trễ việc đóng lãi nên bà H có yêu cầu bà trả lại số tiền 700.000.000đ, do bà không còn khả năng trả lãi cao nên có năn nỉ bà H tính lãi tháng, không tính lãi ngày, để cho bà được trả tiền vốn dần, mỗi năm từ 50.000.000đ đến 100.000.000đ, nhưng bà H không đồng ý và gửi đơn khởi kiện đến Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà đồng ý trả nợ 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bà khó khăn, chồng bà bị bệnh, xin được trả dần cho bà H mỗi mùa lúa (4 tháng) khoảng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

* Tại biên bản lấy lời khai 19/12/2019, chị Huỳnh Thị Kiều C trình bày: Chị xác nhận mẹ chị là bà Nguyễn Thị L có vay của bà Phan Thị H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Do nhà chị và nhà bà H cặp vách nên mẹ chị tới lui và có quan hệ bạn bè thân thiết với bà H. Khi vay tiền thì giữa mẹ chị (bà L) và bà H thỏa thuận như thế nào thì chị không biết, thời gian vay chị cũng không biết, chỉ biết sau đó bà H có đưa giấy nhận nợ của mẹ chị cho chị ký tên, bà H nói ký tên nếu không chồng bà H quậy, chị không muốn hàng xóm xích mích với nhau và mẹ chị cũng có vay tiền của bà H nên chị mới ký tên vào biên nhận nợ. Chị không biết mẹ chị vay tiền để làm gì, không biết lãi suất thỏa thuận như thế nào

cũng như không biết đã đóng bao nhiêu tiền lãi cho bà H.

Trong vụ án này, bà H khởi kiện chị và mẹ (bà L) cùng liên đới trả nợ cho bà H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/4/2019 chị không đồng ý. Mẹ chị là người vay tiền thì mẹ chị phải đứng ra trả cho bà .

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và chị C liên đới trả cho bà H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 06/4/2019 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết tranh chấp; Huỳnh Thị Kiều C hiện đang cư trú tại ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.3] Sự có mặt của các đương sự: Đối với bị đơn được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[1.4] Đương sự tham gia vụ án: Tại tòa trường trình ngày 14/01/2020, ông Nguyễn Thanh L – chồng bà Phan Thị H trình bày: Việc giao dịch cho vay giữa bà H và bà L, chị C do bà H tự thực hiện, từ trước đến nay ông không tham gia việc

cho vay tiền của bà H. Tiền cho vay là tài sản riêng của bà H. Ông Liêm yêu cầu Tòa án không đưa ông L vào tham gia tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019, bà H trình bày: Trong vụ án này bà H chỉ khởi kiện đối với bà L và C, không yêu cầu chồng bà L và chồng của C cùng liên đới trả nợ. Do đó, Tòa án không đưa ông Nguyễn Thanh L – chồng bà Phan Thị H, ông Huỳnh Văn O – chồng bà Nguyễn Thị L và anh Lê Thiện H – chồng chị Huỳnh Thị Kiều C vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là biên nhận ngày 06/4/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C đã xác định được: bà Phan Thị H có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), khi vay không có thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận bằng miệng tiền lãi suất. Theo lời trình bày của bà L, bà vay tiền bà H nhiều lần, đến ngày 06/4/2019, bà H có yêu cầu bà L và chị C trả số tiền nợ 700.000.000đ nhưng bà L không có tiền trả nợ nên các bên thỏa thuận lập giấy nhận nợ. Bà H trình bày, bà nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ, tuy nhiên bà L cố tình né tránh nên ngày 20/6/2019 bà H mới khởi kiện đến Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà L và chị C là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, nhưng các bên đều xác nhận từ cuối tháng 4/2019, bà H có yêu cầu bà L và chị C trả nợ, đến ngày 20/6/2019 bà H mới khởi kiện bà L trả nợ. Như vậy, bà H đã báo trước cho bà L và chị C thời gian trả nợ trong khoảng thời gian gần 02 tháng, đây là thời gian hợp lý để bà L và chị C trả nợ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến hết thời hạn bà L và chị C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, việc bà H yêu cầu bà L và chị C trả cho bà H số tiền còn nợ là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện, bà Phan Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C cùng liên đới trả nợ. Tại biên bản lấy lời khai chị C và bà L không thừa nhận việc chị C có vay tiền của bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị C trình bày không biết thời gian và thỏa thuận khi bà L vay tiền của bà H, chỉ biết sau đó bà H có đưa giấy nhận nợ của mẹ chị cho chị ký tên, bà H nói ký tên nếu không chồng bà H quậy, chị không muốn hàng xóm xích mích với nhau và mẹ chị cũng có vay tiền của bà H nên chị mới ký tên vào biên nhận nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị C là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký tên vào giấy nhận nợ không có sự ép buộc hay lừa dối, nên việc chị trình bày không đồng ý liên đới cùng bà L trả nợ cho bà H do chị sợ hàng xóm xích mích nhưng lời trình bày của chị không được nguyên đơn chấp nhận và chị cũng không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị C có nghĩa vụ liên đới với bà L cùng trả nợ cho bà H.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Liễu trình bày trong số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) bà mượn dùm con gái là Huỳnh Thị K, tuy nhiên bà L là người trực tiếp đến gặp bà H vay tiền, nhận tiền và đồng ý ký tên vào giấy nhận nợ, bà H hoàn toàn không biết việc bà L vay dùm. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Nếu bà L có chứng cứ và có yêu cầu tranh chấp với chị Huỳnh Thị K thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[2.2] *Về lãi suất:* Bà H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/4/2019 đến ngày xét xử (ngày 17/11/2020), với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà H và bà Lu đều trình bày khi cho vay cả hai có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, không lập biên bản. Tuy nhiên, bà H và bà L không thống nhất và có tranh chấp về lãi suất, bà H trình bày không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất mà phụ thuộc bà L trả bao nhiêu tiền lãi thì bà nhận bấy nhiêu, bà L trình bày lãi suất 7.000.000đ/3 ngày/700.000.000đ. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xác định lãi suất trong hạn là 10%/năm, thời điểm tính lãi trong hạn là thời điểm bà H cho bà L và chị C thời gian hợp lý để trả nợ là từ ngày 06/4/2019 đến ngày 20/6/2019. Ngoài ra do hết “thời gian hợp lý” để trả nợ, bà L và chị C không thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định lãi suất chậm trả là 15%/năm, thời gian chậm trả từ ngày 21/6/2019 đến ngày xét xử (ngày 17/11/2020). Số tiền lãi bà L và chị C có trách nhiệm phải trả cho bà H là:

- Lãi trong hạn: $700.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 75 \text{ ngày} = 14.383.562 \text{ đồng}$ (mười bốn triệu ba trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Lãi chậm trả: $700.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/năm \times 516 \text{ ngày} = 148.438.356 \text{ đồng}$ (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H là 862.821.918 đồng (tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm hai mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng), trong đó vốn gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 14.383.562 đồng (mười bốn triệu ba trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng) và lãi chậm trả là 148.438.356 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

[3] *Về án phí sơ thẩm:*

- Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $36.000.000 \text{ đồng} + [(862.821.918 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\%] = 37.884.658 \text{ đồng}$ (ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng).

- Do yêu cầu khởi kiện của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị H số tiền 862.821.918 đồng (tám trăm sáu mươi hai triệu at1m trăm hai mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng), trong đó vốn gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 14.383.562 đồng (mười bốn triệu ba trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng) và lãi chậm trả là 148.438.356 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Nguyễn Thị L và chị Huỳnh Thị Kiều C phải chịu 37.884.658 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Thị H được nhận lại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004328 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo*: Bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị L, chị Huỳnh Thị Kiều C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao